



Tường An

Dầu ăn tốt, hiểu món ăn ngon!

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2010



GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

- 04. Quá trình hình thành và phát triển
- 10. Ngành nghề kinh doanh
- 12. Định hướng và phát triển
- 13. Quản trị nhân sự

BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO

- 15. Thông điệp của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
- 20. Báo cáo của ban tổng giám đốc
- 34. Hoạt động cộng đồng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 36. Báo cáo của ban tổng giám đốc
- 45. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp
- 49. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- 81. Giới thiệu về HĐQT
- 85. Quản trị doanh nghiệp



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Tên đầy đủ : **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Tên tiếng Anh : **TUONG AN VEGETABLE OIL JOINT STOCK COMPANY**

Tên giao dịch : **DẦU TƯỜNG AN**

Mã chứng khoán : **TAC**

Trụ sở chính : 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 38 153 950 – 38 153 972 – 38 153 941 – 38151 102

Fax : (84-8) 38 153 649 – 38 157 095



- Hiện nay Công ty gồm có các Nhà máy, Chi nhánh:

Nhà máy dầu Tường An, địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P.15, Q. Tân Bình, TP Hồ Chí Minh.

Nhà máy dầu Phú Mỹ, địa chỉ: Khu CN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nhà máy Dầu Vinh, địa chỉ: 135 Nguyễn Việt Xuân, P.Hung Dũng, TP.Vinh, Nghệ An.

Chi nhánh Miền Bắc tại Hà Nội, địa chỉ: 78 Bạch Đằng, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

Chi nhánh Miền Bắc tại Hưng Yên, địa chỉ: Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

Văn phòng đại diện Miền Trung, địa chỉ: 119 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Văn phòng đại diện Miền Tây, địa chỉ: 40B 24 Khu Dân cư 91B Khu vực VI, P. An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

Email : tuongan@tuongan.com.vn

Website : www.tuongan.com.vn

Vốn điều lệ : 189.802.000.000 đồng (Một trăm tám mươi chín tỷ, tám trăm lẻ hai triệu đồng).

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 18.980.200 cổ phần.

Giấy phép đăng ký kinh doanh: Số 4103002698 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố

Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 09 năm 2004, sửa đổi lần thứ nhất ngày 03 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 28 tháng 05 năm 2007.



SƠ LƯỢC LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

THỜI GIAN	SỰ KIỆN
- Từ 1975 đến 09/2004	Nhà máy dầu Tường An là Doanh nghiệp nhà nước.
- Năm 2004	Nhà máy dầu Tường An được cổ phần hoá và chuyển thành Công ty CP Dầu Thực Vật Tường An (01/10/2004) Triển khai Dự án Xây dựng NM Dầu Phú Mỹ công suất 600 tấn/ngày theo tiêu chuẩn GMP và HACCP.
- Năm 2005	Khởi công xây dựng NM Dầu Phú Mỹ công suất 600 tấn/ngày (29/07/2005).
- Năm 2006	Cổ phiếu Tường An với mã chứng khoán TAC chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (26/12/2006).
- Năm 2008	Chính thức đưa NM Dầu Phú Mỹ đi vào hoạt động sản xuất vào tháng 11/2008.
- Năm 2009	Hoàn tất đầu tư bổ sung dây chuyền thiết bị phân đoạn 400 tấn/ngày tại NM Dầu Phú Mỹ đi vào hoạt động sản xuất vào tháng 11/2008.



Các danh hiệu

SỰ KIỆN	THỜI GIAN
1. - Nhà nước khen tặng Huân chương Lao động hạng 3 Nhà nước khen tặng Huân chương Lao động hạng 2 Nhà nước khen tặng Huân chương Lao động hạng 1	Năm 1990 Năm 1995 Năm 2000
2. - Bộ Công thương (trước là Bộ Công nghiệp) khen tặng cờ thi đua xuất sắc - Chính phủ khen tặng cờ thi đua xuất sắc.	Năm 1987-1989, 1991-1997, 2003-2004, 2006-2009 Năm 1998, 2001, 2005, 2010
4. - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khen tặng cờ thi đua xuất sắc.	Năm 1986, 1990, 2004
5. - Đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn.	Từ năm 1997 đến 2010
6. - Topten Hàng tiêu dùng Việt Nam được yêu thích nhất (do bạn đọc báo Đại Đoàn Kết bình chọn)	Từ năm 1994 đến 1999
7. - Đạt giải thưởng "Hàng Việt Nam Chất lượng - Uy tín" (do báo Đại Đoàn Kết tổ chức)	Năm 2000
8. - Đạt giải thưởng Sao Vàng Đất Việt do Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam bình chọn.	Năm 2004, 2006, 2007, 2008, 2010
9. - Top 100 thương hiệu ấn tượng do Báo Sài Gòn tiếp thị bình chọn	Năm 2004
10. - Đạt Thương hiệu Việt yêu thích do bạn đọc báo Sài Gòn Doanh nhân bình chọn	Năm 2004
11. - Đạt danh hiệu Thương hiệu mạnh do Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức.	Từ năm 2004 đến 2009
12. - Thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam (do Phòng TM&CN VN phối hợp với Công ty NCTT AC Nielson và FTA tổ chức bình chọn)	Năm 2006, 2008, 2010
13. - Nhân hiệu nổi tiếng quốc gia do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam tổ chức bình chọn.	Từ năm 2007 đến 2010
14. - Doanh nghiệp tiêu biểu trên TTCK Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức.	Năm 2008
15. - Đạt Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do chuyên trang Báo điện tử Vietnamnet tổ chức.	Từ năm 2009 đến 2010
16. - Đạt Top 204 sản phẩm Việt Nam tốt nhất do người tiêu dùng bình chọn của báo Sài Gòn tiếp thị tổ chức	Năm 2010
17. - Đạt Top 100 doanh nghiệp Thương mại Dịch vụ tiêu biểu Việt Nam 2010 do Bộ Công thương bình chọn.	Năm 2010
18. - Top 500 Doanh nghiệp nộp thuế nhiều nhất Việt Nam	Năm 2007 - 2009
19. - Thương hiệu chứng khoán uy tín	Năm 2007, 2008, 2010











Tường An

Dầu ăn tốt, hiểu món ăn ngon!



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa. Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói. Mua bán, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến ngành dầu thực vật. Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng. Sản xuất, mua bán các loại gia vị ngành chế biến thực phẩm, nước chấm, nước sốt (không sản xuất tại trụ sở). Sản xuất, mua bán các loại sản phẩm mi ăn liền (mì, bún, phở, bánh đa, cháo ăn liền). Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá. Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở). Hoạt động sinh hoạt văn hoá (tổ chức giao lưu, gặp mặt). Kinh doanh nhà ở (xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê).



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ:

Đầu tư hệ thống máy móc thiết bị tiên tiến nhằm đáp ứng nhu cầu về sản phẩm đáp ứng cho thị trường ngày càng cao và đa dạng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH DOANH:

Chiến lược ngắn hạn:

- Xây dựng phát triển và giữ vững uy tín thương hiệu Tường An trong ngành thực phẩm thông qua việc phát triển những dòng sản phẩm có chất lượng tối ưu nhất phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng riêng của người Việt.
- Có các chính sách bán hàng linh hoạt, hiệu quả nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa cũng như thị trường xuất khẩu, khai thác có hiệu quả công suất nhà máy dầu Phú Mỹ cũng như ổn định và gia tăng thị phần.
- Tiếp tục phát triển hệ thống phân phối theo hướng chuyên nghiệp, đảm bảo hàng hóa được phân phối đến tay người tiêu dùng nhanh nhất và hiệu quả nhất.
- Xây dựng đội ngũ bán hàng có năng lực và chuyên nghiệp để có thể nắm bắt kịp thời các thông tin thị trường cũng như triển khai tốt các chương trình bán hàng ngoài thị trường nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu ngày càng lớn mạnh.
- Tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm, cải tiến mẫu mã bao bì, tập trung phát triển những nhãn hàng cao cấp nhằm đáp ứng ngày càng cao của người tiêu dùng cũng như đem lại lợi nhuận của công ty.



Chiến lược trung hạn:

Từng bước hoàn thiện bộ máy kinh doanh của Công ty trở nên hiệu quả và gọn nhẹ, áp dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động phân phối bán hàng để nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý và xây dựng bộ máy tiếp thị chuyên nghiệp nhằm tăng doanh số, đa dạng nhãn hàng, chiếm lĩnh vị trí dẫn đầu trong ngành dầu thực vật.

Chiến lược dài hạn:

Đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng thiết bị kỹ thuật bảo đảm sản lượng và chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ và đòi hỏi chất lượng ngày càng cao của người tiêu dùng. Phát triển Công ty trở thành Công ty hàng đầu trong ngành dầu thực vật tại thị trường Việt Nam.

Định hướng chiến lược nhân sự:

Quản trị nhân sự là vấn đề luôn được đặt lên hàng đầu, với quan điểm:

“Công ty có phát triển và lớn mạnh hay không là hoàn toàn phụ thuộc vào đội ngũ nhân viên. Đội ngũ nhân viên có năng lực, giàu kinh nghiệm và sáng tạo, tâm huyết với công việc, đoàn kết, cùng nhìn về một hướng là tài sản lớn nhất Công ty có được”.

Công ty có các chính sách nhất quán trong công tác quản lý nhân sự như sau:

- Tạo môi trường làm việc cạnh tranh thân thiện, thoải mái để nhân viên phát huy sáng tạo đổi mới. Xây dựng các chuẩn mực văn hóa Công ty tạo tiền đề cho sự đổi mới trong văn hóa giao tiếp, văn hóa ứng xử thanh lịch phù hợp với xã hội hiện đại.
- Trọng dụng lao động có năng lực chuyên môn giỏi, có chế độ đãi ngộ xứng đáng với người lao động; xây dựng chính sách tiền lương, thưởng hợp lý.
- Đặc biệt quan tâm đến việc đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực.

Chính sách đối với người lao động

- Phân công lao động hợp lý đúng năng lực chuyên môn giúp nhân viên phát huy hết khả năng

của mình. Bên cạnh đó khuyến khích nhân viên tìm tòi học hỏi, am hiểu thêm những lĩnh vực khác nhằm tăng khả năng linh hoạt trong giải quyết công việc và dễ dàng đảm nhiệm công việc khác khi cần thiết thay đổi.

- Thường xuyên bố trí, cử nhân viên tham dự các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ giúp nhân viên cập nhật kiến thức kịp thời và làm tốt nhiệm vụ được giao.

Trong năm 2010, Công ty đã có một số chính sách cụ thể như sau:

- Sắp xếp lại lao động của Nhà máy dầu Tường An, điều chuyển lao động cho Nhà máy dầu Phú Mỹ phù hợp với tình hình sản xuất hiện tại.
- Đào tạo đội ngũ giám sát, nhân viên bán hàng trở nên chuyên nghiệp việc thích ứng với thị trường.
- Tuyển mới, đào tạo thay thế kịp thời nhân sự cho các vị trí còn thiếu.
- Có chính sách điều chỉnh lương phù hợp với tình hình thực tế.
- Thực hiện đầy đủ quyền lợi, nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng quy định pháp luật và Thỏa ước lao động của Công ty.

Bảng thống kê nhân sự của Công ty đến ngày 31/12/2010:

Stt	Diễn giải	Số lượng
1	Thạc sỹ	3
2	Kỹ sư, cử nhân	155
3	Cao đẳng	72
4	Trung học chuyên nghiệp	115
5	Trung học nghề	11
6	Cộng nhân kỹ thuật	86
7	Tốt nghiệp phổ thông trung học	383
	Tổng cộng	825



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. **Tâm Nhìn.**

*“Thành công không phải đã đến đích,
thành công chỉ là bước khởi đầu cho những thách thức mới”*

Trở thành một trong những công ty hàng đầu trong ngành dầu thực vật và thực phẩm tại Việt Nam với những sản phẩm chất lượng, dinh dưỡng, phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng nhằm phục vụ tốt nhất cho cuộc sống xã hội và con người Việt Nam.

2. **Sức mạnh.**

*“Nâng cao chất lượng sản phẩm đem lại dinh dưỡng
và sức khỏe cho cuộc sống”*

Tường An luôn cam kết mang đến cho xã hội những sản phẩm có chất lượng tốt nhất bằng chính sự trân trọng, trách nhiệm cao của mình cho sức khỏe, cuộc sống của người tiêu dùng và xã hội.

3. **Giá trị cốt lõi:**

a. **Tôn trọng:**

“Nhu cầu được tôn trọng là nhu cầu cao nhất của con người”

Tường An luôn trân trọng người tài, khích lệ người sáng tạo, tri ân người tâm huyết, khen thưởng người đạt kết quả tốt vì sự phát triển bền vững của Công ty.

b. **Sáng tạo:**

“Hôm nay hơn hẳn hôm qua và không bằng ngày mai”

Kết hợp kinh nghiệm và những thành quả có được từ niềm đam mê cải tiến sáng tạo mang đến những sản phẩm chất lượng hoàn hảo và những giải pháp kinh doanh hiệu quả nhất là phương châm làm việc của chúng tôi.

c. **Hài hòa các lợi ích:**

“Tất cả cùng chiến thắng - Tất cả cùng có lợi”

Tường An luôn tâm niệm: Lợi ích lâu dài chỉ có được khi chúng ta biết chia sẻ, hài hòa lợi ích giữa xã hội, khách hàng, đối tác, cổ đông và nhân viên trong Công ty. Đây là giải pháp để gìn giữ lợi ích và phát triển bền vững nhất.

d. **Ý chí:**

“Thắng không kiêu, bại không nản”

Luôn kiên định với định hướng phát triển của Công ty, vượt qua những khó khăn và thử thách để đạt được mục tiêu đề ra.

e. **Hiệu quả:**

“Chú động trong kinh doanh, quản lý chặt chẽ, tìm kiếm lợi ích lâu dài”

Tất cả các hoạt động của Tường An đều quan tâm đến hiệu quả và đem lại giá trị tăng thêm vì mục đích cho sự phát triển bền vững của Công ty.

f. **Cởi mở:**

“Thăng thân, hòa đồng, chia sẻ kinh nghiệm”

Trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, đóng góp chân thành là động lực cho sự phát triển bền vững của Tường An.

g. **Chính trực:**

“Thẳng đường mà tiến”

Kinh doanh tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng các chuẩn mực, quy định quản lý của Nhà nước, minh bạch trong hoạt động tài chính đó là phương châm hoạt động của chúng tôi.



4. Thông điệp:

Kính thưa quý vị cổ đông

-- Năm 2010 là một năm gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng tài chính của thế giới tác động đến nền kinh tế của đất nước, lạm phát tăng cao 11,75%, nhập siêu cả năm là 12,37 tỷ đô la Mỹ, giá vàng tăng mạnh, tiền đồng mất giá so với USD hơn 9,68%, chênh lệch giữa tỷ giá niêm yết bán ra của ngân hàng và tỷ giá trên thị trường tự do quá lớn có lúc là 2.000 đồng/ đô la Mỹ, lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại cho doanh nghiệp vay để phục vụ kinh doanh lên đến 17%/năm.

- Giá nguyên liệu, vật tư các loại đều tăng, đặc biệt giá nguyên liệu dầu thực vật tăng mạnh dẫn đến giá thành sản phẩm tăng rất nhiều trong khi giá bán không thể tăng tương ứng do sức mua của người tiêu dùng giảm sút.

- Tình hình cạnh tranh ngày càng quyết liệt do có sự xuất hiện của một số đơn vị mới tham gia thị trường dầu ăn.

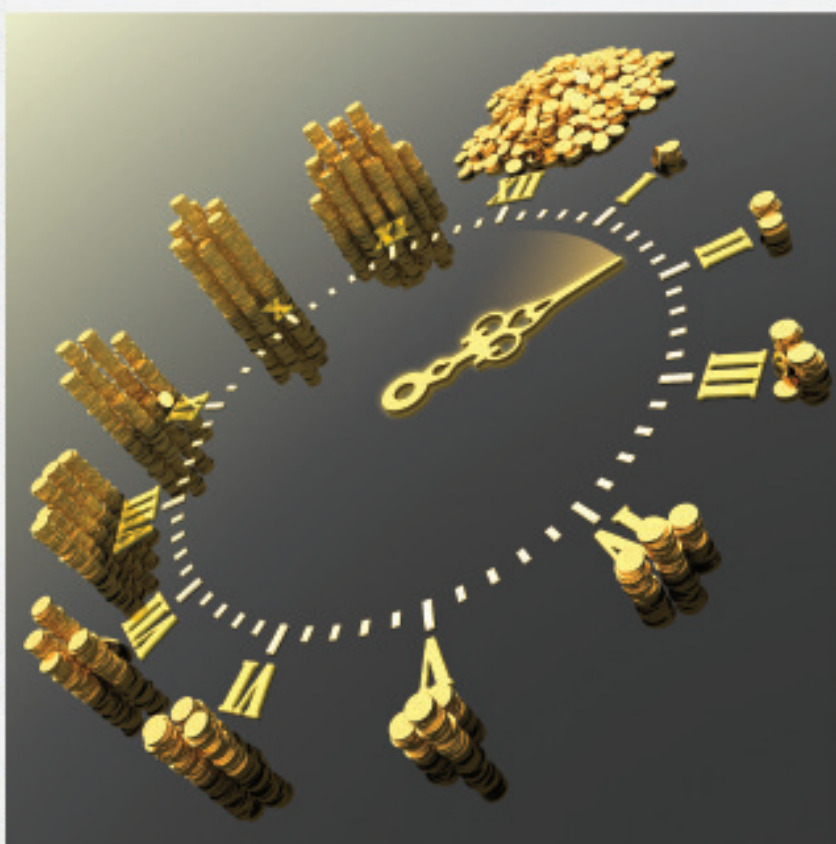
Trước những khó khăn trên Tường An đã có nhiều cố gắng và đạt

được kết quả đáng khích lệ như sau:

Công tác thị trường: Ngoài hệ thống phân phối hiện có, Công ty củng cố hệ thống bán hàng hiện có và phát triển thêm hệ thống phân phối mới, xây dựng đội ngũ bán hàng và tiếp thị thích nghi tốt với thị trường, triển khai hệ thống bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng; đồng thời triển khai việc hỗ trợ của các chiến lược tiếp thị có hiệu quả, hệ thống quản lý chất lượng, Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm và phát triển sản phẩm mới.

Với định hướng mục tiêu Công ty nằm trong nhóm dẫn đầu tại Việt Nam về ngành thực phẩm có lợi cho sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là ngành dầu thực vật. Công ty đã hoàn thành việc đầu tư Nhà máy dầu Phú Mỹ với thiết bị hiện đại và công nghệ tiên tiến nhất hiện nay tại Việt Nam, Công ty có năng lực sản xuất chế biến nhiều chủng loại dầu thực vật với chất lượng tốt nhất, đặc biệt nhóm sản phẩm cao cấp, phục vụ cho nhu cầu tiêu

dùng đa dạng của xã hội cũng như nhu cầu cho đối tượng sử dụng khắt khe về chất lượng sản phẩm. Đây là dự án trọng điểm trong chiến lược phát triển lâu dài và bền vững của Tường An trong tương lai. Mặt khác, người tiêu dùng có xu hướng mua hàng tại các siêu thị, trung tâm thương mại ngày càng tăng, Tường An cũng chú trọng và phát triển kinh doanh tại phân khúc thị trường này.



Tốc độ phát triển: tổng sản lượng tiêu thụ tăng 1.531 tấn tương ứng tăng 1,12%, lợi nhuận sau thuế tăng 280,36% so với năm 2009.

Với những thành quả trên, năm 2010 Tường An là một trong những công ty hàng đầu trong ngành dầu thực vật tại Việt Nam.

△ KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2010

(DVT: Tỷ đồng)

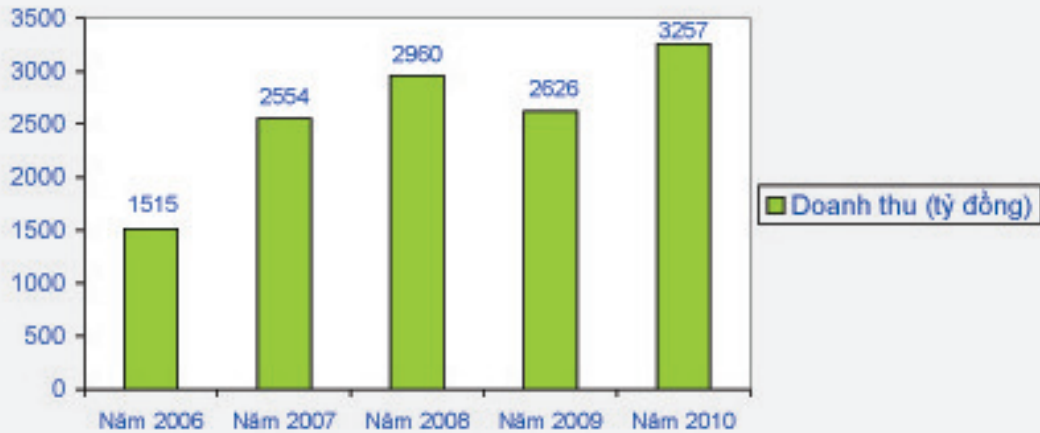
Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2009	% thực hiện	
	A	B	C	[A/B]	[A/C]
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	137.953	150.000	136.422	91,97%	101,12%
Tổng doanh thu	3.257	2.785	2.626	116,95%	124,03%
Lợi nhuận trước thuế	104,18	50	27 38	208,36%	380,50%
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS: đồng/cổ phiếu)	4.619	1.976	1.214	233,40%	380,50%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TỪ NĂM 2006 ĐẾN NĂM 2010

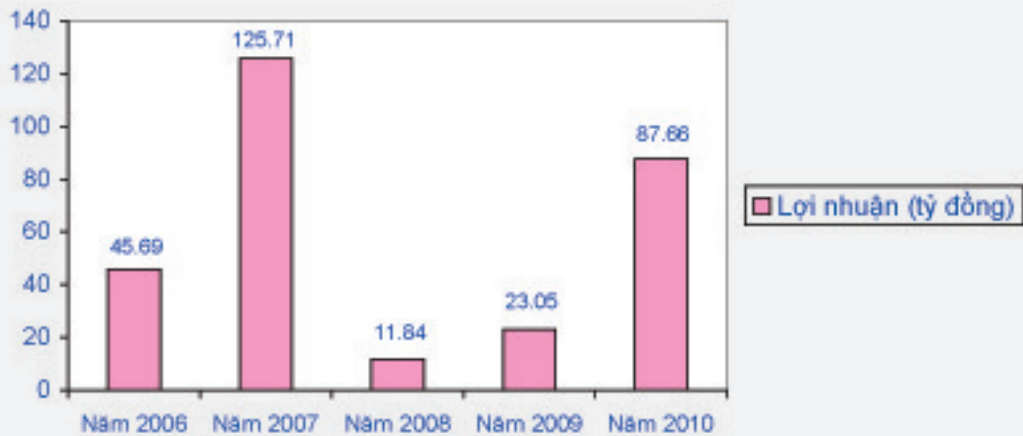
Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009	Năm 2008	Năm 2007	Năm 2006
Kết quả kinh doanh (triệu đồng)					
Doanh thu thuần	3.257.056	2.626.347	2.959.678	2.554.228	1.515.469
Lợi nhuận gộp	385.025	228.868	154.975	212.039	133.793
Lợi nhuận từ HĐSXKD	101.863	23.824	3.725	125.230	44.296
Lợi nhuận sau thuế	87.664	23.050	11.838	125.712	45.693
Bảng cân đối kế toán (triệu đồng)					
Tổng tài sản	944.175	647.182	686.965	837.061	547.409
Tài sản cố định	261.632	264.029	275.710	225.499	140.041
Tổng nợ phải trả	574.467	356.241	377.704	475.621	283.303
Tài sản thuần	369.708	290.940	309.261	361.440	264.105
Chỉ số tài chính					
ROE	23,71%	7,92%	3,86%	35,53%	17,88%
ROA	9,28%	3,56%	1,72%	15,02%	8,35%
Nợ / Vốn chủ sở hữu	155,38%	122,44%	123,09%	134,42%	110,85%
Tính trên 1 cổ phiếu (đồng)					
Thu nhập trên mỗi cổ phần EPS	4.619	1.214	624	6.623	2.407
Giá trị sổ sách	19.479	15.329	16.167	18.643	13.465
Cổ tức (%)	20%	14%	20%	20%	16%

BIỂU ĐỒ DOANH THU

Biểu đồ doanh thu :



Biểu đồ lợi nhuận sau thuế :



Biểu đồ chỉ số tài chính :



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN XÂY DỰNG CƠ BẢN ĐẾN NGÀY 31/21/2010

(ĐVT: Triệu đồng)

Stt	Dự án	Giá trị dự toán	Đã thanh toán	Giá trị chưa thực hiện
1	Dây chuyền chiết dầu chai 5.000chai/h NM Dầu Phú Mỹ	25.988	10.929	15.059
2	Di dời, xây lắp nhà xưởng 60T/ngày (từ NM Dầu Tường An ra NM Dầu Phú Mỹ)	8.790	3.967	4.823
3	Di dời lắp đặt bồn đợt I (từ NM Dầu Tường An ra NM Dầu Phú Mỹ)	1.250	343	907
4	Xây lắp 04 bồn chứa 500m ³ và các công trình phụ trợ tại NM Dầu Vĩnh	6.277	2.070	4.207

Cổ tức.

Với kết quả kinh doanh năm 2010, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức chia cổ tức cho năm 2010 là 20% chi trả bằng tiền mặt cho mỗi cổ phần mệnh giá 10.000 đồng (2.000 đồng/cổ phần), cao hơn mức cổ tức kế hoạch 16%.

Hội đồng quản trị có ý định duy trì chính sách trả cổ tức cao hơn mức lãi suất ngân hàng. Tuy nhiên, mức cổ tức thực tế cho từng năm sẽ được xem xét dựa trên kết quả kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển mở rộng và đầu tư mới trong tương lai, để đảm bảo Công ty luôn phát triển ổn định và bền vững.

Thay lời kết.

Năm 2010, Tường An hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, thương hiệu Tường An và thị trường tiêu thụ sản phẩm dầu ăn Tường An được củng cố. Ngoài sự phấn đấu của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành còn nhờ có sự tin cậy và động viên của toàn thể quý cổ đông, khách hàng, đối tác kinh doanh, Tổng công ty mẹ Vocarimex và các cơ quan Nhà nước, thay mặt Hội đồng quản trị chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể quý vị các cơ quan.

Hội đồng quản trị cũng xin gửi lời cảm ơn đến toàn thể CBCNV Công ty và mong muốn tất cả các thành viên trong Công ty chúng ta tiếp tục phát huy hết khả năng của mình cho sự phát triển của Tường An trong năm 2011 và tương lai.

Tin tưởng trong năm 2011, tuy còn một số khó khăn và thách thức, nhưng với nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban điều hành nhiều năng động, sự chung sức chung lòng của toàn thể CBCNV Công ty, đặc biệt giá trị thương hiệu Tường An, chất lượng sản phẩm Tường An được người tiêu dùng tin nhiệm sẽ tiếp tục chấp cánh cho những cơ hội mới, phát triển và mở rộng thị trường, lợi nhuận, giá trị cổ phiếu của Tường An sẽ đáp ứng kỳ vọng của quý vị cổ đông.



1. Kết quả kinh doanh

Doanh thu thuần năm 2010 của Tường An tăng 24,03% so với năm 2009, kết quả đạt được này là do hệ thống phân phối nội địa trải rộng khắp cả nước của Tường An, với độ bao phủ khoảng 66 nghìn điểm bán lẻ.

Lợi nhuận gộp của Tường An đạt 208,36% kế hoạch và tăng 280,50% so với cùng kỳ năm 2009. Trong thời kỳ cạnh tranh gay gắt như hiện nay ngoài yếu tố giá hợp lý thì thương hiệu uy tín và chất lượng sản phẩm tốt là một lợi thế.

Doanh thu năm 2010 là 3.257 tỷ đồng tăng so với doanh thu 2009 là 631 tỷ đồng, trong khi giá vốn năm 2010 là 2.872 tỷ đồng tăng 475 tỷ đồng so với giá vốn năm 2009. Chi phí giá vốn tăng thấp hơn là do Công ty chọn đúng thời điểm mua nguyên liệu với giá hợp lý, tiêu hao nguyên nhiên vật liệu trong sản xuất giảm do khai thác sử dụng máy móc thiết bị với công nghệ hiện đại của NM Dầu Phú Mỹ, những yếu tố trên góp phần tối đa hóa lợi nhuận của Công ty.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tăng so với cùng kỳ năm 2009 từ 2,76 tỷ đồng lên 3,50 tỷ đồng, tương ứng tăng 27%. Doanh thu tài chính tăng do lãi tiền gửi thu được của năm 2010 tăng hơn so với năm 2009, Công ty đã tính toán quay vòng vốn nhanh và đa dạng hóa hình thức tiền gửi.

Chi phí tài chính

Giảm so với năm 2009 từ 36,37 tỷ đồng xuống 30,62 tỷ đồng là do chênh lệch tỷ giá giảm từ 23,58 tỷ đồng xuống 12,43 tỷ đồng, lãi vay ngân hàng tăng lên do dự án Nhà máy dầu Phú Mỹ đi vào hoạt động nên lãi vay từ ngân hàng cho đầu tư được tính vào kết quả kinh doanh trong kỳ 12,85 tỷ năm 2009 lên 18,30 tỷ đồng năm 2010.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng trong năm 2010 là 207,22 tỷ đồng tăng 45,11% so với năm 2009 (142,80 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu là do tăng chi phí quảng cáo khuyến mại và hỗ trợ Nhà phân phối/ Đại lý, năm 2010 là 160,83 tỷ tăng 42,52% so với năm 2009 (112,85 tỷ đồng).



Khả năng sinh lời

+ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2010 đạt 23,71% tăng cao so với 7,92% của năm 2009 cho thấy Tường An đang có mức độ tăng trưởng tốt. Cổ phiếu Tường An là cổ phiếu tiềm năng ngày càng mang lại nhiều khả năng sinh lợi cho nhà đầu tư.

So sánh với ngành

Tường An là một trong những công ty hàng đầu trong ngành dầu thực vật tại Việt Nam với thị phần năm 2010 chiếm khoảng 26% với hệ thống bán hàng được bao phủ cả nước, sản phẩm đa dạng có thể cạnh tranh tốt với các đối thủ cũng như phục vụ được nhiều nhu cầu khác nhau của khách hàng. Tuy nhiên trong lĩnh vực quảng cáo và marketing sản phẩm Tường An còn nhiều hạn chế so với các Công ty liên doanh và Công ty nước ngoài, trong thời gian tới Công ty sẽ chú trọng đầu tư nhiều hơn cho lĩnh vực này.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2010 là 101,8 tỷ đồng, tăng hơn 327,56% so với năm 2009. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần đạt 3,12% so với 0,91% của năm 2009, chủ yếu là do Công ty đã kiểm soát được chi phí giá vốn tốt hơn năm 2009 bằng cách chọn thời điểm mua và dự trữ nguyên liệu một cách hiệu quả và hợp lý hơn.

Chỉ số tài chính

Khả năng thanh toán:

+ Khả năng thanh toán tức thì đạt 0,24 lần, giảm 0,25 lần so với cùng kỳ năm 2009 (0,49 lần), trong khi khả năng thanh toán hiện hành của năm 2010 là 1,31 không giảm nhiều so với năm 2009 là 1,36. Nguyên nhân là Công ty có kế hoạch dự trữ hàng tồn kho cao hơn do dự đoán giá nguyên vật liệu sẽ tăng của quý I năm 2011.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tổng quan

Năm 2010, Tường An tiếp tục là một trong những công ty dẫn đầu trong ngành dầu thực vật với thị phần chiếm khoảng 26% thị trường dầu thực vật Việt Nam. Với 03 nhà máy sản xuất, một đặt tại TP.HCM, một đặt tại Khu CN Phú Mỹ 1 tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và một đặt tại Thành phố Vinh tỉnh Nghệ An với tổng công suất thiết kế khoảng 800 tấn/ngày. Các sản phẩm của Tường An phục vụ được hầu hết các nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng với các nhóm sản phẩm chính gồm: Nhóm dầu chiên xào, Nhóm dầu cao cấp, Nhóm dầu dinh dưỡng, Nhóm dầu đặc.

Nhóm dầu chiên xào

Là sản phẩm truyền thống của Tường An bao gồm các sản phẩm chính sau: Dầu Cooking oil, Vạn Thọ, dầu dừa, dầu Olein tinh luyện, dầu Olita là những sản phẩm chiếm thị phần lớn thị trường trong nước và trong cơ cấu sản phẩm của Công ty về sản lượng và doanh thu. Nhóm sản phẩm dầu chiên xào có mức độ cạnh tranh rất cao do tính thông dụng của sản phẩm, hiện có rất nhiều công ty dầu trong nước tham gia sản xuất và kinh doanh. Năm 2010 Tường An đã rất thành công với nhóm sản phẩm này, đây là nhóm sản phẩm chủ lực cần phải giữ vững và phát triển hơn nữa trong những năm tới.

Nhóm dầu cao cấp

Bao gồm dầu nành, dầu mè, dầu phộng tinh luyện là những sản phẩm được người tiêu dùng ưu chuộng với sản lượng tiêu thụ ngày càng ổn định và có xu hướng tăng do đời sống người dân ngày càng được nâng cao. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế của đất nước người tiêu dùng ngày càng quan tâm bảo vệ sức khỏe nhiều hơn, đây là yếu tố quan trọng để nhóm dầu cao cấp

phát triển mạnh mẽ, Tường An tung sản phẩm dầu Canola tinh luyện. Đây là dòng sản phẩm cao cấp không chỉ tốt cho tim mạch mà còn có tác dụng giảm béo đặc biệt dành cho phụ nữ. Trong tương lai nhóm này sẽ trở thành nhóm dầu chủ lực của công ty trong cơ cấu sản phẩm tạo ra lợi nhuận.

Nhóm dầu dinh dưỡng

Sản phẩm dầu dinh dưỡng được coi là bước đột phá trong ngành dầu Việt Nam thông qua việc nghiên cứu bổ sung vi chất dinh dưỡng vào sản phẩm dầu ăn nhằm tăng cường sức khỏe, cải thiện thể chất, trí thông minh cho người sử dụng đặc biệt dành trẻ em và người cao tuổi. Các sản phẩm dầu dinh dưỡng của Tường An có uy tín và được người sử dụng tin dùng như Dầu ViO, Season.

Nhóm dầu đặc

Chế biến từ hỗn hợp các loại dầu thực vật lòng giàu dinh dưỡng được tinh luyện để trở thành hỗn hợp dầu đặc theo nhu cầu sử dụng của khách hàng.

Margarine Tường An có hương vị thơm ngon tinh khiết, giàu β - Caroten, được sử dụng phổ biến để làm bánh, bắt bông kem hoặc ăn với bánh mì. Tường An giữ vị trí hàng đầu trong nước đối với sản phẩm Magarine trên thị trường.

Shortening Tường An được sử dụng trong công nghiệp sản xuất bánh kẹo, chế biến mì ăn liền.

Sản phẩm Margarine và Shortening cân bằng dinh dưỡng, không có hàm lượng trans và giảm calori phù hợp với người béo phì, người mắc bệnh tim mạch.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh Biến động của nền kinh tế

Năm 2010 là năm thế giới tiếp tục bị khủng hoảng kinh tế tài chính, với nhiều khó khăn ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam như xuất khẩu giảm, cán cân thương mại thâm hụt, tỷ giá ngoại tệ tăng, tỷ lệ lạm phát tăng cao, sức mua giảm ... cùng với tình hình thiên tai, lũ lụt diễn ra nhiều hơn.

Đối với ngành dầu, ngoài những khó khăn chung của nền kinh tế ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng của xã hội làm cho sản lượng bán ra tăng không đáng kể, tình hình cạnh tranh ngày càng quyết liệt hơn, giá nguyên liệu dầu thực vật thế giới liên tục tăng cao làm ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tường An.

Cạnh tranh

Thị trường dầu thực vật tại Việt Nam ngoài sự cạnh tranh rất quyết liệt giữa các công ty đã có từ lâu đời, nay còn xuất hiện thêm các công ty tư nhân, cơ sở sản xuất và các công ty thương mại nhập khẩu đóng bao bì để bán. Mặc dù vậy, Tường An vẫn tiếp tục ổn định và giữ vững được thị phần vào khoảng 26%.

Nhu cầu tiêu thụ dầu thực vật

Mặc dù khủng hoảng kinh tế nhưng nhu cầu tiêu thụ dầu thực vật tại Việt Nam vẫn ổn định, cho thấy nhu cầu tiêu thụ vẫn còn tăng khi nền kinh tế ổn định và phát triển. Người tiêu dùng ngày càng quan tâm nhiều đến sức khỏe và sử dụng những sản phẩm dầu thực vật nhiều hơn, đặc biệt là các sản phẩm dầu thực vật có chất lượng cao và có bổ sung vi chất, Vitamin như: Dầu Nành, Dầu Mè, Dầu Phộng, Canola, Season, ViO ... Các vùng nông thôn của Việt Nam ngày càng sử dụng dầu thực vật thay thế mỡ động vật trong bữa ăn hàng ngày, đây là một thị trường rộng lớn cho sự phát triển của ngành dầu thực vật trong những năm tiếp theo.

Công suất thiết kế

Tổng công suất thiết kế của các công ty trong ngành dầu thực vật Việt Nam đã đáp ứng hầu hết nhu cầu tiêu thụ trong nước cho hiện tại và trong 5 năm tiếp theo.



3. Hệ thống phân phối:

Thị trường nội địa:

Thị trường dầu thực vật Việt Nam có nhiều tiềm năng, tiêu thụ dầu thực vật bình quân đầu người tại Việt Nam hiện nay khoảng 5 kg/năm trong khi nhu cầu tiêu thụ dầu thực vật trên thế giới bình quân khoảng 13kg/năm. Xu hướng trong tương lai khi chất lượng cuộc sống ngày càng nâng cao sản phẩm dầu thực vật sẽ dần thay thế hoàn toàn mỡ động vật thì lượng dầu tiêu thụ của người Việt sẽ cao hơn. Nhận thấy tiềm năng rất lớn của ngành nên có rất nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường dầu thực vật dẫn đến tình trạng cạnh tranh gay gắt hơn. Vì vậy Tường An luôn hiểu và phát huy những thế mạnh của mình trên thị trường.

Thị trường xuất khẩu:

Tường An tập trung khai thác thị trường nội địa là chủ yếu, công tác xuất khẩu vẫn tập trung ổn định vào các thị trường truyền thống bên cạnh phát triển thêm thị trường mới.

4. Lợi thế cạnh tranh:

Kinh nghiệm:

Là đơn vị tiên phong có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu thực vật tại Việt Nam, với 34 năm xây dựng và phát triển đã tạo nên một nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong tương lai.

Hệ thống quản lý và nhân sự:

Hệ thống quy trình quản lý được điều hành bởi đội ngũ cán bộ quản lý nhiều kinh nghiệm và nhân viên có năng lực, được đào tạo huấn luyện và cập nhật kiến thức bán hàng, tiếp thị bài bản, chuyên nghiệp là một trong những yếu tố giúp cho Công ty phát triển nhanh chóng và vững chắc.

Lợi thế về quy mô:

Với quy mô sản xuất ngày càng lớn, Tường An đã chiếm lĩnh thị phần cao trong các phân khúc sản phẩm, đặc biệt trong phân khúc dầu ăn cao cấp như Dầu Mè, Margarine và dầu cho trẻ em như ViO.

Sở hữu thương hiệu mạnh Tường An:

Là một thương hiệu mạnh dẫn đầu trong ngành dầu thực vật về mức độ tin cậy và tin nhiệm của người tiêu dùng, đặc biệt là các sản phẩm dầu ăn thông thường (Cooking), dầu ăn cao cấp (Mè, Phong, ViO) và Margarine.

Mạng lưới phân phối và bán hàng:

Hệ thống phân phối phù hợp, chính sách bán hàng linh hoạt đã giúp cho sản phẩm của Tường An có mặt rộng khắp trên thị trường, đáp ứng kịp thời nhu cầu của người tiêu dùng.

Các kênh phân phối hiện nay của Tường An:

+ Kênh truyền thống thông qua các chợ, các điểm bán lẻ.

+ Kênh hiện đại thông qua các siêu thị, trung tâm thương mại.

+ Kênh trực tiếp cung cấp sản phẩm cho một số khách hàng.

Trong tương lai khi mà xu hướng tiêu dùng ngày một hiện đại, người mua sẽ tìm đến các trung tâm thương mại, siêu thị nhiều hơn thì đây là một kênh phân phối Tường An cần phải chú trọng đầu tư phát triển.

Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Liên tục đầu tư và phát triển sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

Thiết bị và công nghệ sản xuất: Sở hữu công nghệ, thiết bị hiện đại hàng đầu thế giới.

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI



**“Ngon thật ngon
Giòn thật giòn”**



CookingOil

Là sản phẩm hỗn hợp giữa dầu Olein, dầu đậu nành, dầu hạt cải tinh luyện được phối chế theo công thức đặc biệt có thể sử dụng ở nhiệt độ cao mà vẫn đảm bảo thức ăn thơm ngon và đầy đủ chất dinh dưỡng. Chuyên dùng để chiên giòn, xào và nấu thức ăn. Đây là sản phẩm chủ lực của Tường An và đã được người tiêu dùng trên mọi miền đất nước tin dùng trên 20 năm qua.



VanThọ

DẦU ĂN DANH TIẾNG

Là sản phẩm dầu hỗn hợp giữa dầu Olein, dầu đậu Nành, dầu hạt cải tinh luyện được phối chế một cách hoàn hảo dùng để chiên xào làm chính thức ăn. Dầu Vạn thọ mang lại cho người tiêu dùng lựa chọn đa dạng và phong phú cho nhu cầu sử dụng dầu ăn.



Olita

Là dầu thực phẩm hỗn hợp tinh luyện dùng để chiên xào. Dầu Olita mang lại sự phong phú cho sự lựa chọn cũng như đặc tính vùng miền trong nhu cầu sử dụng dầu ăn của người tiêu dùng.



Dầu Nành

Tốt cho tim mạch

Giàu

- Omega - 3
- Omega - 6

100%
dầu đậu nành



Dầu Mè

Là loại dầu ăn có giá trị dinh dưỡng cao, được chế biến từ hạt Mè nguyên chất đã qua tinh luyện, dùng để trộn salad, rau, củ, quả, dùng làm gia vị ướp thực phẩm, chiên xào ... đặc biệt rất tốt cho người già và trẻ em. Đây là loại dầu có hàm lượng tiền chất DHA và EPA cao tốt cho sức khỏe. Nguyên liệu 100% là dầu mè nguyên chất.



Dầu Phộng

Dầu phộng có giá trị dinh dưỡng cao và đã gắn bó với văn hóa ẩm thực và truyền thống của người Việt Nam từ những ngày đầu trong việc dùng dầu thực vật để chế biến thức ăn, 100% nguyên liệu được ép ra từ hạt đậu phộng. Dầu phộng dùng để chiên giòn, xào nấu các món ăn và làm nguyên liệu cho sản xuất dược phẩm.



Dầu Nành

Được tinh chế từ 100% dầu Nành nguyên chất với công nghệ hiện đại. Chứa hàm lượng acid béo không no Omega-3 và Omega-6 cao giúp phòng ngừa các chứng bệnh liên quan đến tim mạch. Ngoài ra dầu Nành còn cung cấp và giúp hấp thụ tốt các Vitamin tan trong dầu, các tác dụng chống Oxy hóa tự nhiên, bảo vệ tế bào, chống lão hóa và kéo dài tuổi thọ.





M. Tường An
Dầu ăn tốt, hiệu món ăn ngon!

Sản phẩm từ lòng yêu thương!

Vi..O
ViO!

DHA



thông minh
mắt sáng
cơ thể khỏe mạnh

VITAMIN A

VITAMIN E

VIO = Dầu Mè + Dầu Gấc + DHA



CANOLA

Canola là sản phẩm mới của Tường An trong năm 2010, được sản xuất từ 100% dầu hạt cải tinh luyện, đây cũng là sản phẩm đáp ứng nhu cầu phòng bệnh và bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng. Trong thành phần của dầu Canola có chứa hàm lượng các Acid béo chưa bão hòa cao, có tác dụng đốt cháy chất béo dư thừa trong cơ thể, rất phù hợp cho người ăn kiêng, người muốn giảm cân.

Dầu Canola thích hợp cho món xào, món canh, món salad trộn... Với tác dụng đặc biệt, sản phẩm dầu ăn dành cho người ăn kiêng Dầu Canola đã thu hút được sự chú ý của người nội trợ, đặc biệt là những phụ nữ trẻ tuổi.



ViO

ViO: được sản xuất từ dầu Mè tinh luyện, dầu gấc tinh luyện. Dầu ViO là dầu ăn dinh dưỡng dành cho trẻ em từ độ tuổi ăn dặm đến 8 tuổi, rất tốt cho trẻ em còi xương, suy dinh dưỡng. Trong thành phần dầu ViO có rất nhiều chất dinh dưỡng thiết yếu cho sự phát triển của trẻ em.

DHA: giúp cho trẻ thông minh và phát triển trí não hoàn hảo

Vitamin A và E tự nhiên: được chiết xuất từ dầu gấc nguyên chất có tác dụng giúp cho trẻ sáng mắt, tăng cường sức đề kháng để chống lại bệnh tật, bảo vệ tế bào và phòng tránh rối loạn hấp thu chất béo ở ruột.

Dầu ViO không sử dụng để xào nấu như các loại dầu thông thường mà dùng trộn vào thức ăn của trẻ đã chế biến trước khi cho trẻ ăn, mỗi bữa ăn sử dụng từ 1 – 2 muỗng café dầu ViO.



Season

PREMIUM EDIBLE OIL

Dầu Season là sản phẩm dầu ăn cao cấp duy nhất tại Việt Nam được phối trộn từ dầu Nành và Dầu Phộng tinh luyện có bổ sung Vitamin A và D rất tốt cho sức khỏe, Dầu Season dùng để chiên, xào và trộn salad. Ngoài việc được bổ sung Vitamin A và D trong thành phần chứa hàm lượng cao các acid béo không no Omega 3 và Omega 6 giúp cho xương phát triển vững chắc, cơ thể khỏe mạnh, chống lão hóa...



Dầu Dừa

Được sản xuất từ 100% dầu dừa nguyên chất đã được tinh luyện, dầu dừa phục vụ cho nhiều nhu cầu tiêu dùng khác nhau như chiên xào nấu các món thức ăn trong bữa ăn gia đình và dùng làm nguyên liệu cho các ngành chế biến thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm ...



MARGARINE

BƠ THỰC VẬT

Magarine (bơ thực vật) được chế biến từ các loại dầu thực vật tinh luyện. Magarine có hương thơm ngọt, giàu Vitamin, được sử dụng phổ biến dùng để làm bánh, làm bông bánh kem, chiên thực phẩm ... cho hương vị thơm ngon rất độc đáo hoặc ăn trực tiếp với bánh mì .



Shortening

Là loại dầu thực vật ở dạng đặc (sánh) được dùng chủ yếu trong công nghiệp chế biến thực phẩm (sản xuất bánh kẹo, mì ăn liền, chế biến cafe ...)





HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG



Tài trợ trẻ em nghèo khuyết tật Tam Bình Quận Thủ Đức

- Ủng hộ chương trình “Về nguồn với Bác”.

Đặc biệt ý nghĩa trong chuỗi những hoạt động cộng đồng là chương trình từ thiện, chia sẻ khó khăn với những người kém may mắn trong cuộc sống xã hội được Tường An quan tâm thể hiện bằng những việc làm hết sức thiết thực như:

- Chia sẻ tặng quà cho các gia đình chính sách, hộ dân nghèo, tài trợ Quỹ bảo vệ trẻ em nghèo.

- Ủng hộ Hội nạn nhân chất độc màu da cam.

- Ủng hộ đồng bào lũ lụt các Tỉnh Miền Trung, đây là hoạt động được đông đảo toàn thể công nhân viên của Tường An nhiệt tình hưởng ứng: đóng góp một ngày lương, quyên góp quần áo, vật dụng đóng góp cứu trợ.

Thông qua các hoạt động hướng về cộng đồng, xã hội trong điều kiện sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, Tường An đã thể hiện quyết tâm gắn kết hoạt động sản xuất kinh doanh của mình với việc nâng cao chất lượng cuộc sống, hướng đến sự phát triển bền vững của toàn xã hội. Đó cũng là một định hướng tích cực trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Đi đôi với việc xây dựng thương hiệu, phát triển sản xuất Tường An cũng rất quan tâm đến công tác xã hội và các hoạt động vì cộng đồng, nhiều hoạt động có ý nghĩa nối tiếp nhau đã được Tường An cùng các cơ quan đoàn thể phối hợp thực hiện, cụ thể như:

- Phong trào vệ sinh ATTP trong kinh doanh bằng việc trang bị nón, tạp dề cho tiểu thương tại các chợ.

- Hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.



Tài trợ phát thuốc và khám bệnh miễn phí cho người dân có hoàn cảnh khó khăn tại P.15 Q.8



Tài trợ cuộc nói chuyện lợi ích của dầu nành tại trung tâm dinh dưỡng Q.3



Hướng dẫn các em học sinh trường Trần Hữu Trang tham quan nhà máy Dầu Tường An

I. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An là doanh nghiệp Nhà nước cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà Máy dầu Tường An thuộc Công ty dầu thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam) theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BCN ngày 04 tháng 06 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103002698 ngày 27 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	96.799.000.000	51,00
Các cổ đông khác	93.003.000.000	49,00
Cộng	189.802.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ	: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (84.8) 38 153 950 – 83 153 972 - 83 153 941 - 8 3151 102
Fax	: (84.8) 38 153 649 - 38 157 095
Website	: www.tuongan.com.vn
E-mail	: tuongan@tuongan.com.vn
Mã số thuế	: 0303498754

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy dầu Tường An	48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Miền Bắc	78 Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.
Chi nhánh Hưng Yên	Thôn Nghĩa Trai, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Miền Trung	119 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Nhà máy dầu Vinh	135 Nguyễn Viết Xuân, phường Hưng Dũng, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.
Nhà máy dầu Phú Mỹ	KCN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói. Mua bán xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến ngành dầu thực vật; Cho thuê mặt bằng nhà xưởng; Sản xuất, mua bán các loại gia vị ngành chế biến thực phẩm, nước chấm, nước sốt (không sản xuất tại trụ sở); Sản xuất, mua bán các loại sản phẩm ăn liền (mì, bún, phở, bánh đa, cháo ăn liền); Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức giao lưu, gặp mặt); Kinh doanh nhà ở (xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 34).

Trong năm Công ty đã chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2009 là 26.572.280.000 VND theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2010 như sau:

Ngoài ra, Công ty cũng trích lập quỹ từ lợi nhuận của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 căn cứ vào điều lệ của Công ty với tỷ lệ trích của các quỹ như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ : 5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ đầu tư phát triển : 10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 5% lợi nhuận sau thuế

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Tấn Nghiệp	Chủ tịch	24 tháng 4 năm 2007	-
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên	24 tháng 4 năm 2007	-
Ông Đinh Quốc Hưng	Thành viên	24 tháng 4 năm 2007	08 tháng 4 năm 2010
Ông Dương Tiến Đức	Thành viên	30 tháng 6 năm 2008	-
Ông Huỳnh Văn Nhớ	Thành viên	30 tháng 6 năm 2008	-
Ông Hà Bình Sơn	Thành viên	26 tháng 4 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Văn Tích Vĩnh	Trưởng ban	24 tháng 4 năm 2007	-
Ông Nguyễn Đức Thuyết	Thành viên	24 tháng 4 năm 2007	-
Ông Ngô Bạch Mai	Thành viên	24 tháng 4 năm 2007	-

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hà Bình Sơn	Tổng Giám đốc	29 tháng 12 năm 2008	-
Ông Nguyễn Văn Lừng	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 08 năm 2008	-
Ông Dương Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc	21 tháng 07 năm 2010	-
Ông Vũ Đức Thịnh	Kế toán trưởng	24 tháng 05 năm 2007	-



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Hà Bình Sơn

Tổng Giám Đốc

Ngày 21 tháng 03 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP NĂM 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		679,614,401,465	380,194,095,453
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	122,472,958,201	136,447,709,626
1. Tiền	111		66,972,958,201	32,047,709,626
2. Các khoản tương đương tiền	112		55,500,000,000	104,400,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54,827,960,386	34,992,402,807
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	42,397,377,848	28,154,401,342
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1,415,520,925	6,751,900,243
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	11,015,061,613	86,101,222
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		473,806,515,476	200,042,892,789
1. Hàng tồn kho	141	V.5	473,806,515,476	200,042,892,789
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28,506,967,402	8,711,090,231
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	138,364,999	163,280,000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15,541,363,719	3,090,661,517
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	12,802,198,684	5,457,148,714
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		25,040,000	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		264,560,202,343	266,987,926,068
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		261,632,037,918	264,028,836,263
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	226,750,014,640	219,163,731,510
	<i>Nguyên giá</i>	222		419,119,731,797	387,126,674,334
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(192,369,717,157)	(167,962,942,824)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	18,361,835,983	19,704,205,963
	<i>Nguyên giá</i>	228		24,145,860,138	24,208,897,338
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5,784,024,155)	(4,504,691,375)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	16,520,187,295	25,160,898,790
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,728,000,000	1,672,800,000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	1,824,000,000	1,884,000,000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.12	(96,000,000)	(211,200,000)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		1,200,164,425	1,286,289,805
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	1,200,164,425	1,286,289,805
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		944,174,603,808	647,182,021,521



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		574,466,502,262	356,241,629,613
I.	Nợ ngắn hạn	310		520,277,754,197	278,327,811,965
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	169,852,335,215	32,424,000,000
2.	Phải trả người bán	312	V.15	285,816,606,461	215,363,679,608
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.16	6,098,385,465	3,210,473,293
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	17,822,506,678	6,056,646,371
5.	Phải trả người lao động	315	V.18	15,317,836,371	14,359,692,262
6.	Chi phí phải trả	316	V.19	581,063,632	232,511,656
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	19,704,250,179	4,578,476,894
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	5,084,770,196	2,102,331,881
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		54,188,748,065	77,913,817,648
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	60,000,000
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.22	54,007,817,648	77,853,817,648
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	180,930,417	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		369,708,101,546	290,940,391,908
I.	Vốn chủ sở hữu	410		369,708,101,546	290,940,391,908
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	189,802,000,000	189,802,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	98,704,076,433	67,878,225,888
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	8,102,230,959	8,102,230,959
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.24	5,854,912,009	1,471,727,356
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	67,244,882,145	23,686,207,705
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		944,174,603,808	647,182,021,521



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		4,753,740,000	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		1,133,918.70	98,209.88
Euro (EUR)		1.22	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2011



Nguyễn Phương Thảo
Người lập



Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám Đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3,260,828,137,696	2,645,444,756,730
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	3,772,056,329	19,097,757,050
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	3,257,056,081,367	2,626,346,999,680
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2,872,031,223,707	2,397,479,129,332
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		385,024,857,660	228,867,870,348
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3,504,827,254	2,764,525,224
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	30,619,695,964	36,370,127,938
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>18,298,564,407</i>	<i>12,851,968,806</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	207,216,783,704	142,802,631,422
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	48,830,153,729	28,636,108,038
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		101,863,051,517	23,823,528,174
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2,319,770,181	3,552,936,155
12. Chi phí khác	32		-	814,350
13. Lợi nhuận khác	40		2,319,770,181	3,552,121,805
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		104,182,821,698	27,375,649,979
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	16,433,003,267	5,610,992,992
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	86,125,380	(1,286,289,805)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>87,663,693,051</u>	<u>23,050,946,792</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>4,619</u>	<u>1,214</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2011



Nguyễn Phương Thảo
Người lập



Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP NĂM 2010

(Theo phương pháp gián tiếp)

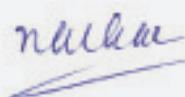
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		104,182,821,698	27,375,649,979
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V. 8, 9	28,068,929,561	33,920,572,106
- Các khoản dự phòng	03	VI. 4	(115,200,000)	(7,764,206,199)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI. 4	459,751,424	(10,434,675)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(3,244,520,020)	(2,490,918,402)
- Chi phí lãi vay	06	VI. 4	18,298,564,407	12,851,968,806
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		147,650,347,070	63,882,631,615
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(39,714,648,195)	11,628,649,553
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(273,763,622,687)	77,142,769,185
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		108,712,074,210	(36,133,786,899)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		24,915,001	4,805,772,625
- Tiền lãi vay đã trả	13		(18,069,663,595)	(15,504,717,707)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(1,719,649,894)	(1,201,029,802)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.21	207,287,200	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.21	(1,608,033,538)	(1,712,892,575)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(78,280,994,428)	102,907,395,995
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, 10	(25,615,517,252)	(19,677,581,617)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp) Năm 2010

4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-	
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.11	60,000,000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,302,818,464	2,429,706,069
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22,252,698,788)	(17,247,875,548)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-	
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14,22	793,492,887,423	280,384,960,137
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14,22	(679,910,552,208)	(271,730,932,396)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24	(26,563,642,000)	(37,960,400,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		87,018,693,215	(29,306,372,259)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(13,515,000,001)	56,353,148,188
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	136,447,709,626	80,084,126,763
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.4	(459,751,424)	10,434,675
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	122,472,958,201	136,447,709,626

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2011



Nguyễn Phương Thảo
Người lập



Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám Đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP **Năm 2010**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - chế biến.
3. Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng. . .
4. Nhân viên
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 825 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 808 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. Hình thức kế toán áp dụng
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP **Năm 2010**

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào đánh giá cụ thể về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 7

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP **Năm 2010**

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại KCN Phú Mỹ I (Bà Rịa – Vũng Tàu) được khấu hao theo thời gian còn lại tính từ khi dự án đi vào hoạt động.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP **Năm 2010**

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu; được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	:	5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ đầu tư phát triển	:	10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	5% lợi nhuận sau thuế

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	923.808.401	1.626.050.157
Tiền gửi ngân hàng	66.049.149.800	30.421.659.469
Các khoản tương đương tiền	55.500.000.000	104.400.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>		
Cộng	<u>122.472.958.201</u>	<u>136.447.709.626</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex)	-	549.084.800
Phải thu các khách hàng khác tiền bán sản phẩm	42.397.377.848	27.605.316.542
Cộng	<u>42.397.377.848</u>	<u>28.154.401.342</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước hoạt động xây dựng cơ bản	-	3.567.243
Ứng trước hoạt động khác	1.415.520.925	6.748.333.000
Cộng	<u>1.415.520.925</u>	<u>6.751.900.243</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	27.802.778	86.101.222
Trị giá vật liệu hỏng chờ giải quyết	667.775.047	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	10.312.388.048	-
Các khoản phải thu khác	7.095.740	
Cộng	<u>11.015.061.613</u>	<u>86.101.222</u>

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	199.821.397.268	65.711.774.410
Công cụ, dụng cụ	300.320.627	328.323.707
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	98.009.781.062	44.146.401.569
Thành phẩm	171.312.281.508	87.812.219.349
Hàng hóa	4.362.735.011	2.044.173.754
Cộng	<u>473.806.515.476</u>	<u>200.042.892.789</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	138.364.999	163.280.000

Tình hình biến động trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	163.280.000	877.986.705
Tăng trong năm	422.075.377	2.764.836.976
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(446.990.378)	(3.479.543.681)
Số cuối năm	<u>138.364.999</u>	<u>163.280.000</u>

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT nộp thừa tại Văn phòng Công ty	-	1.077.897
Thuế TNDN nộp thừa	12.802.198.684	5.456.070.817
Cộng	<u>12.802.198.684</u>	<u>5.457.148.714</u>



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	132.059.575.828	247.159.346.293	5.213.537.345	2.694.214.868	387.126.674.334
Mua sắm mới	11.027.273	605.827.409	643.449.090	81.058.200	1.341.361.972
Đầu tư XDCB hoàn thành	12.358.771.668	20.653.283.163	-	22.463.108	33.034.517.939
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.213.667.128)	-	(78.565.445)	(2.292.232.573)
Chuyển công cụ dụng cụ	-	(90.589.875)	-	-	(90.589.875)
Số cuối năm	144.429.374.769	266.114.199.862	5.856.986.435	2.719.170.731	419.119.731.797
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	20.956.035.749	58.931.406.489	692.807.068	2.384.959.449	82.965.208.755
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	36.082.934.398	126.669.051.582	2.919.945.884	2.291.010.960	167.962.942.824
Khấu hao trong năm	9.286.771.334	16.610.422.712	549.979.596	342.423.139	26.789.596.781
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.213.667.128)	-	(78.565.445)	(2.292.232.573)
Chuyển công cụ dụng cụ	-	(90.589.875)	-	-	(90.589.875)
Số cuối năm	45.369.705.732	140.975.217.291	3.469.925.480	2.554.868.654	192.369.717.157
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	95.976.641.430	120.490.294.711	2.293.591.461	403.203.908	219.163.731.510
Số cuối năm	99.059.669.037	125.138.982.571	2.387.060.955	164.302.077	226.750.014.640
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 334.824.321.158 VND và 221.601.695.465 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay ngắn và dài hạn tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.14 và V.22).

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	23.688.897.338	520.000.000	24.208.897.338
Giảm trong năm	(63.037.200)	-	(63.037.200)
Số cuối năm	23.625.860.138	520.000.000	24.145.860.138
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	520.000.000	520.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.984.691.375	520.000.000	4.504.691.375
Khấu hao trong năm	1.279.332.780	-	1.279.332.780
Số cuối năm	5.264.024.155	520.000.000	5.784.024.155
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	19.704.205.963	-	19.704.205.963
Số cuối năm	18.361.835.983	-	18.361.835.983
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất tại Nhà máy dầu Phú Mỹ có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 19.298.957.807 VND và 16.863.167.021 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.22).



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án nhà máy đầu Phú Mỹ	-	24.356.923.554
Dự án đầu tư dây chuyền 5.000 chai/h	9.975.465.094	-
Dự án di dời xây lắp nhà xưởng 60 T	3.611.324.706	-
Các công trình khác	2.933.397.495	803.975.236
Cộng	<u>16.520.187.295</u>	<u>25.160.898.790</u>

Tình hình biến động trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	25.160.898.790	119.742.260.288
Tăng trong năm	24.393.806.444	20.309.977.919
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(33.034.517.939)	(114.835.834.417)
Kết chuyển vào chi phí sản xuất	-	55.505.000
Số cuối năm	<u>16.520.187.295</u>	<u>25.160.898.790</u>

11. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật	192.000	1.824.000.000	192.000	1.824.000.000
Đầu tư trái phiếu Chính phủ, đáo hạn tháng 9 năm 2010, lãi suất 8,6%/năm	-	-	4	60.000.000
Cộng		<u>1.824.000.000</u>		<u>1.884.000.000</u>

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	211.200.000	273.600.000
Hoàn nhập dự phòng	(115.200.000)	(62.400.000)
Số cuối năm	<u>96.000.000</u>	<u>211.200.000</u>

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.286.289.805	-
Phát sinh trong năm	-	1.286.289.805
Hoàn nhập trong năm	(86.125.380)	-
Số cuối năm	<u>1.200.164.425</u>	<u>1.286.289.805</u>



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngân hàng	147.548.335.215	10.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Tân Phú ⁽ⁱ⁾</i>	-	10.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾</i>	99.979.176.885	-
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	47.569.158.330	-
Vay dài hạn đến hạn trả	22.304.000.000	22.424.000.000
Cộng	<u>169.852.335.215</u>	<u>32.424.000.000</u>

(i) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Tân Phú theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 570-0001722 ngày 29 tháng 6 năm 2009 để bổ sung vốn lưu động, phát hành chứng thư bảo lãnh, phát hành L/C trả ngay. Trong năm, Công ty đã tất toán khoản vay này. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 100.000.000.000 VND
- Thời gian vay : 1 năm
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng lần nhận tiền vay theo thông báo Ngân hàng tại từng thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên giấy nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 10313001/HĐTDHM ngày 15 tháng 4 năm 2010 để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua nguyên vật liệu. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 100.000.000.000 VND
- Thời gian vay : không vượt quá 6 tháng cho mỗi lần nhận nợ vay
- Lãi suất vay : bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh + biên độ 3%/năm, nhưng không được thấp hơn sản lãi suất cho vay VND theo phương thức cho vay thỏa thuận của Ngân hàng trong từng thời kỳ
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

- (iii) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00310/2009/0000092 ngày 17 tháng 02 năm 2009 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00310/2009/0000092 – PL02 ngày 10 tháng 3 năm 2010 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:
- Hạn mức vay : 300.000.000.000 VND
 - Thời gian vay : 1 năm
 - Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
 - Tài sản đảm bảo : Thẻ chấp dây chuyền tinh luyện dầu thực vật 150 tấn/ngày và dây chuyền thiết bị chiết dầu chai nhựa tự động cho chai 05 lít, 1 lít, 0.4 lít, 0.2 lít.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số tiền vay phát sinh trong năm	786.844.887.423	-	786.844.887.423
Kết chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả	-	22.304.000.000	22.304.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(649.296.552.208)	(22.424.000.000)	(671.720.552.208)
Số dư cuối năm	<u>147.548.335.215</u>	<u>22.304.000.000</u>	<u>169.852.335.215</u>

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	257.089.407.926	198.253.272.375
Các nhà cung cấp khác	28.727.198.535	17.110.407.233
Cộng	<u>285.816.606.461</u>	<u>215.363.679.608</u>

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các khách hàng về tiền mua sản phẩm	6.098.385.465	3.210.473.293

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nội địa	5.987.236.824	20.457.293.773	(23.764.972.128)	2.679.558.469
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	50.479.060.486	(40.166.672.438)	10.312.388.048
Thuế xuất, nhập khẩu	-	20.246.635.743	(15.856.063.854)	4.390.571.889
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.456.070.817)	(5.626.477.973)	(1.719.649.894)	(12.802.198.684)
Thuế thu nhập cá nhân	68.231.650	2.243.261.207	(1.871.654.585)	439.838.272
Tiền thuế đất	-	468.306.750	(468.306.750)	-
Thuế tài nguyên	100.000	1.450.000	(1.400.000)	150.000
Thuế khác	-	1.223.494.082	(1.223.494.082)	-
Cộng	599.497.657	89.493.024.068	(85.072.213.731)	5.020.307.994

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày trên chỉ tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước (xem thuyết minh số V.7).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2005, năm 2006) và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo (năm 2007, năm 2008 và năm 2009) áp dụng đối với doanh nghiệp cổ phần hóa. Ngoài ra, Công ty còn được ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm do niêm yết trên thị trường chứng khoán trước ngày 31 tháng 12 năm 2006.

Liên quan đến dự án Nhà máy dầu Phú Mỹ, Công ty được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm cho đầu tư mang lại với thời gian miễn là 3 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 5 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm thứ 3 Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần tăng thêm do đầu tư mở rộng.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Trong năm Công ty đã nhận được Công văn số 149/TCT-PC ngày 14 tháng 01 năm 2010 của Tổng Cục thuế gửi cho Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn từ năm 2004 – 2006. Theo nội dung Công văn đã trả lời: “Trường hợp, tại năm tài chính có chứng khoán niêm yết lần đầu, doanh nghiệp vừa thuộc diện hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, vừa được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do niêm yết chứng khoán lần đầu thì mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định cộng cả mức ưu đãi theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và mức ưu đãi do niêm yết chứng khoán lần đầu. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu trong thời gian miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp đã xác định giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp do niêm yết chứng khoán lần đầu trong giai đoạn 2004 – 2006 theo hướng dẫn tại Công văn số 10997/BTC-CST ngày 08 tháng 9 năm 2006 thì không xem xét xử lý lại”.

Công ty đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2007 và năm 2008 tương ứng là 18.251.537.418 VND và 2.502.320.699 VND do trước đó không được gộp chung phần ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ cổ phần hóa và từ niêm yết chứng khoán. Số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp trước đó do không được gộp chung được chuyển sang bù trừ cho các kỳ tính thuế tiếp theo.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm bao gồm:

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2010	16.433.003.267
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 theo Công văn 7250/BTC - TCT ngày 07 tháng 6 năm 2010	(1.305.623.123)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 và năm 2008 theo Công văn 149/TCT - PC ngày 14 tháng 01 năm 2010	(20.753.858.117)
Cộng	(5.626.477.973)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	104.182.821.698	27.375.649.979
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.341.756.467	21.555.020.646
- Các khoản điều chỉnh giảm	(4.340.313.803)	(14.738.359.838)
Tổng thu nhập chịu thuế	115.184.264.362	34.192.310.787
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông	28.796.066.091	8.548.077.697
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(12.363.062.824)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(2.937.084.705)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	16.433.003.267	5.610.992.992

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ lương còn phải trả cho người lao động	15.317.836.371	14.359.692.262

19. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	461.412.468	232.511.656
Chi phí trích trước khác	119.651.164	-
Cộng	581.063.632	232.511.656

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	620.226.640	773.240.031
BHXH, BHYT và Bảo hiểm thất nghiệp	-	3.432.902
Cổ tức phải trả	69.553.000	60.915.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	5.987.959.796	-
Các khoản phải trả khác	13.026.510.743	3.740.888.961
<i>Trong đó, chi phí bán hàng, quảng cáo phải trả</i>	<i>12.990.790.064</i>	<i>3.679.482.426</i>
Cộng	19.704.250.179	4.578.476.894

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	733.839.041	2.922.123.102	-	(658.300.000)	2.997.662.143
Quỹ phúc lợi	1.368.492.840	1.461.061.551	207.287.200	(949.733.538)	2.087.108.053
Cộng	2.102.331.881	4.383.184.653	207.287.200	(1.608.033.538)	5.084.770.196

22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Sở giao dịch II theo Hợp đồng vay số 06.781000/HĐTD ngày 14 tháng 4 năm 2006 với lãi suất vay bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Công thương + 2%/năm	-	8.190.000.000
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số 01/2005/93451/HĐ ngày 24 tháng 10 năm 2005 với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 24 tháng + cộng 2%/năm. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của dự án Nhà máy dầu Phú Mỹ (xem thuyết minh số V.8 và V.9)	49.759.817.648	69.663.817.648
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số 310/2010/0000925 ngày 19 tháng 7 năm 2010 với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3.4%/năm. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là một dây chuyền chiết dầu chai tự động, công suất 5.000 chai/giờ	4.248.000.000	-
Cộng	54.007.817.648	77.853.817.648

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay thanh toán trong năm	Số kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng					
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Sở giao dịch II	8.190.000.000	-	(8.190.000.000)	-	-
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	69.663.817.648	6.648.000.000	-	(22.304.000.000)	54.007.817.648
Cộng	77.853.817.648	6.648.000.000	(8.190.000.000)	(22.304.000.000)	54.007.817.648

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	263.199.018
Số trích lập trong năm	526.504.392	132.094.382
Số chi trong năm	(345.573.975)	(395.293.400)
Số cuối năm	180.930.417	-

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục.

Cổ tức

Trong năm Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông là 26.563.642.000 VND (năm trước là 37.960.400.000 VND).

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.980.200	18.980.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	3.260.828.137.696	2.645.444.756.730
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>14.796.679.555</i>	<i>9.329.640.186</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>3.246.031.458.141</i>	<i>2.636.115.116.544</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(3.772.056.329)	(19.097.757.050)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>(1.691.001.090)</i>	<i>(18.479.726.555)</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(2.081.055.239)</i>	<i>(618.030.495)</i>
Doanh thu thuần	3.257.056.081.367	2.626.346.999.680
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	<i>14.796.679.555</i>	<i>9.329.160.061</i>
<i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	<i>3.242.259.401.812</i>	<i>2.617.017.839.619</i>

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	14.627.750.942	7.154.292.933
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	2.857.403.472.765	2.390.324.836.399
Cộng	2.872.031.223.707	2.397.479.129.332

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.244.520.020	2.417.606.635
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	259.406.754	263.172.147
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	10.434.675
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	73.311.767
Chiết khấu thanh toán	900.480	-
Cộng	3.504.827.254	2.764.525.224

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	18.298.564.407	12.851.968.806
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.976.580.133	23.580.559.132
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	459.751.424	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(115.200.000)	(62.400.000)
Cộng	30.619.695.964	36.370.127.938

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	17.172.253.898	13.993.487.168
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	660.560.355	586.826.183
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72.660.112	33.859.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.477.365.884	15.340.071.958
Chi phí khác	160.833.943.455	112.848.386.909
Cộng	207.216.783.704	142.802.631.422

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	18.778.481.957	15.305.487.167
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.184.340.988	1.176.790.566
Chi phí khấu hao tài sản cố định	907.636.530	1.072.776.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.877.436.864	3.310.717.619
Chi phí khác	5.082.257.390	7.770.335.978
Cộng	48.830.153.729	28.636.108.038

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền hoàn thuế nhập khẩu	384.158.669	-
Thu tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	1.722.223.039	-
Thu bồi thường hợp đồng	52.407.132	163.080.660
Thu tiền bán bao bì cước	-	3.290.564.546
Thu bán hồ sơ mời thầu	11.000.000	33.000.000
Thu nhập khác	149.981.341	66.290.949
Cộng	<u>2.319.770.181</u>	<u>3.552.936.155</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	87.663.693.051	23.050.946.792
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	87.663.693.051	23.050.946.792
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.980.200	18.980.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>4.619</u>	<u>1.214</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.239.247.427.149	2.602.998.133.626
Chi phí nhân công	87.271.814.853	71.311.234.537
Chi phí tiền lương	80.132.682.000	65.600.000.000
Chi phí tiền ăn giữa ca	2.010.470.521	1.709.141.998

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ	5.128.662.332	4.002.092.539
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.068.929.561	33.920.572.106
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.388.979.060	48.508.877.150
Chi phí khác	172.882.705.832	127.104.552.332
Cộng	<u>4.613.859.856.455</u>	<u>2.883.843.369.751</u>

**Bổ sung
Vitamin
A&D**

Season
PREMIUM EDIBLE OIL

Cuộc sống đẹp biết bao!



VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	4.560.458.000	3.723.338.000
Tiền thưởng	11.400.000	9.000.000
Cộng	4.571.858.000	3.732.338.000

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật	Công ty liên kết của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam

Trong năm Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam</i>		
Bán thành phẩm	3,940.569.600	1.098.169.600
Mua nguyên liệu	(2.317.487.198.220)	(2.154.197.238.938)
<i>Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật</i>		
Mua nguyên liệu, bao bì	(8.190.240.992)	(12.711.690.841)
Chi phí gia công phải trả	(2.588.775.975)	(2.396.497.455)

VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam</i>		
Bán thành phẩm	-	549.084.800
Cộng nợ phải thu	-	549.084.800
<i>Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam</i>		
Mua nguyên liệu	257.089.407.926	198.253.272.375
<i>Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật</i>		
Gia công, mua nguyên liệu và bao bì	844.794.236	1.106.814.397
Cộng nợ phải trả	257.934.202.162	199.360.086.772

Tất cả các giao dịch với Công ty mẹ là bên liên quan đều được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế và có phê duyệt của các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	426.000.000	2.035.090.909
Trên 1 năm đến 5 năm	576.000.000	132.000.000
Cộng	1.002.000.000	2.167.090.909

Công ty thuê một số văn phòng, nhà kho và thuê kỹ dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2010 đến năm 2013 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Kinh doanh dầu đặc: chủ yếu cung cấp các sản phẩm dầu công nghiệp

Kinh doanh dầu chiên xào: cung cấp sản phẩm thiết yếu để tiêu dùng hàng ngày

Kinh doanh dầu cao cấp: sản phẩm có độ dinh dưỡng cao

Các lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Dầu đặc	Dầu chiên xào	Dầu cao cấp	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	236.361.028.158	2.743.955.923.934	212.666.355.586	64.072.773.689	3.257.056.081.367
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	236.361.028.158	2.743.955.923.934	212.666.355.586	64.072.773.689	3.257.056.081.367
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	13.993.967.409	142.501.487.156	35.450.675.939	(14.138.056.547)	177.808.073.956
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(48.830.153.729)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					128.977.920.227
Doanh thu hoạt động tài chính					3.504.827.254
Chi phí tài chính					(30.619.695.964)
Thu nhập khác					2.319.770.181
Chi phí khác					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(16.433.003.267)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(86.125.380)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					87.663.693.051

VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Năm trước

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	158.431.282.636	2.246.136.083.110	179.641.137.937	42.138.495.997	2.626.346.999.680
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	158.431.282.636	2.246.136.083.110	179.641.137.937	42.138.495.997	2.626.346.999.680
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(6.525.780.694)	70.380.493.883	21.712.037.392	498.488.345	86.065.238.926

4 Các sai sót

Trong năm 2010 Công ty đã ghi nhận bổ sung chi phí khấu hao của các tài sản đã đưa vào sử dụng trong năm 2009 với tổng chi phí khấu hao được ghi nhận bổ sung là 6.060.621.405 VND.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh chi phí khấu hao đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản dài hạn	200	271.762.257.668	(4.774.331.600)	266.987.926.068
Tài sản cố định	220	270.089.457.668	(6.060.621.405)	264.028.836.263
Tài sản cố định hữu hình	221	225.224.352.915	(6.060.621.405)	219.163.731.510
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(161.902.321.419)	(6.060.621.405)	(167.962.942.824)
Tài sản dài hạn khác	260	-	1.286.289.805	1.286.289.805
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	1.286.289.805	1.286.289.805
Tổng cộng tài sản	270	651.956.353.121	(6.876.663.481)	647.182.021.521
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	297.817.055.389	(4.774.331.600)	290.940.391.908
Vốn chủ sở hữu	410	295.475.253.205	(4.534.861.297)	290.940.391.908

VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Quỹ đầu tư phát triển	417	68.357.166.495	(478.940.607)	67.878.225.888
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	1.711.197.659	(239.470.303)	1.471.727.356
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	420	27.502.658.092	(3.816.450.387)	23.686.207.705
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	2.341.802.184	(239.470.303)	2.102.331.881
Tổng cộng nguồn vốn	440	651.956.353.121	(4.774.331.600)	647.182.021.521

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Giá vốn hàng bán	11	2.391.428.652.351	6.050.476.981	2.397.479.129.332
Lợi nhuận gộp	20	234.918.347.329	(6.050.476.981)	228.867.870.348
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28.625.963.614	10.144.424	28.636.108.038
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	29.884.149.579	(6.060.621.405)	23.823.528.174
Lợi nhuận trước thuế	50	33.436.271.384	(6.060.621.405)	27.375.649.979
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	-	(1.286.289.805)	(1.286.289.805)
Lợi nhuận sau thuế	60	27.825.278.392	(4.774.331.600)	23.050.946.792
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.466	(252)	1.214

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

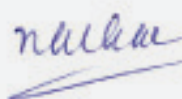
Lợi nhuận trước thuế	01	33.436.271.384	(6.060.621.405)	27.375.649.979
Khấu hao tài sản cố định	02	27.859.950.701	6.060.621.405	33.920.572.106

5. Thông tin khác

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính năm nay.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2011



Nguyễn Phương Thảo
Người lập



Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	189,802,000,000	62,931,262,421	8,102,230,959	466,787,975	45,552,503,142	306,854,784,497
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	23,050,946,792	23,050,946,792
Trích lập các quỹ năm trước	-	2,009,878,762	-	1,004,939,381	(4,019,757,524)	(1,004,939,381)
Bổ sung từ thuế TNDN được giảm năm trước	-	2,937,084,705	-	-	(2,937,084,705)	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(37,960,400,000)	(37,960,400,000)
Số dư cuối năm trước	189,802,000,000	67,878,225,888	8,102,230,959	1,471,727,356	23,686,207,705	290,940,391,908
Số dư đầu năm nay	189,802,000,000	67,878,225,888	8,102,230,959	1,471,727,356	23,686,207,705	290,940,391,908
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	87,663,693,051	87,663,693,051
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	8,766,369,305	-	4,383,184,653	(17,532,738,611)	(4,383,184,653)
Bổ sung từ thuế TNDN được giảm	-	22,059,481,240	-	-	-	22,059,481,240
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	(26,572,280,000)	(26,572,280,000)
Số dư cuối năm nay	189,802,000,000	98,704,076,433	8,102,230,959	5,854,912,009	67,244,882,145	369,708,101,546

Số: 0200/2011/KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2010 CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

**Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2011, từ trang 06 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo của đơn vị kiểm toán về BCTC năm 2010

Vấn đề lưu ý

Không phù nhận ý kiến trên, chúng tôi muốn người đọc Báo cáo tài chính đến thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm của Công ty. Trong năm, theo Công văn số 149/TCT-PC ngày 14 tháng 01 năm 2010 của Tổng Cục thuế, Công ty đã kê khai điều chỉnh giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2007 và năm 2008 liên quan đến miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp do cổ phần hóa và do niêm yết chứng khoán lần đầu trước ngày 31 tháng 12 năm 2006 với số tiền tương ứng là 18.251.537.418 VND và 2.502.320.699 VND (xem thuyết minh số V.17). Tuy nhiên, việc điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp này là chưa chắc chắn. Công ty đã có Công văn số 1143/CV-DTA ngày 01 tháng 11 năm 2010 gửi Tổng Cục thuế để có hướng dẫn chính thức về vấn đề này nhưng đến nay vẫn chưa nhận được văn bản trả lời.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

Nguyễn Ngọc Thành - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1195/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2011

ĐÀU TƯ VÀO CÔNG TY KHÁC VÀ CÔNG TY NẴM GIỮ CỐ PHẦN CỦA CÔNG TY.

1. Đầu tư cổ phiếu vào cổ phiếu của Công ty VMPACK.

Công ty đã thực hiện đầu tư 1.920.000.000 đồng vào cổ phiếu của của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật (VMPACK) chiếm tỷ lệ 2,4% vốn chủ sở hữu.

Tên công ty: Công ty cổ phần Bao bì Dầu thực vật (VMPACK).

Địa chỉ: Lô 6-12 Khu F, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất bao bì cho ngành thực phẩm; mua bán máy móc thiết bị, vật tư, nguyên liệu ngành bao bì; dịch vụ thương mại, in bao bì.

Vốn cổ phần: 80 tỷ đồng.

Giấy CN đăng ký KD số: 4103001186 ngày 09/09/2002

Thời gian hoạt động: 50 năm kể từ ngày nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (năm 2002).

Tỷ lệ cổ phiếu Tường An sở hữu: 2,4% vốn chủ sở hữu.

Giá giao dịch tại ngày 31/12/2010: 9.000 đồng/cổ phần

Công ty cổ phần Bao bì Dầu thực vật (VMPACK) đã niêm yết cổ phiếu lên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/12/2006.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010 của VMPACK tại thời điểm lập Báo cáo này, Tường An chưa nhận được thông tin chính xác từ VMPACK (đề nghị Quý nhà đầu tư tham khảo tại địa chỉ website: <http://www.vmpack.com>).

2. Công ty sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An.

Tổng Công ty công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (VOCARIMEX) là doanh nghiệp nhà nước được thành lập lại từ Công ty Dầu thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 4799/QĐ-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương và Quyết định số 3006/QĐ-BCT ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc chuyển Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam thành Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – công ty TNHH một thành viên.

Vocarimex là Công ty mẹ nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An.

Tên doanh nghiệp: Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Cty TNHH một thành viên (Vocarimex)

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 674,533 tỷ đồng

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa, các sản phẩm từ cây có dầu; chế biến lương thực, thực phẩm (xay sát lúa mì, mì ăn liền, bánh kẹo, sữa); sản xuất diesel sinh học (biodiesel), bia, nước giải khát; sản xuất kinh doanh các loại bao bì; chế biến thức ăn chăn nuôi; xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên liệu, dầu thực vật, sản phẩm tinh dầu, nông lâm sản có dầu và vật tư thiết bị chuyên dùng phục vụ cho nhiệm vụ của Tổng công ty; cho thuê kho, bãi, nhà để làm văn phòng làm việc; khai thác và cung cấp các dịch vụ cảng để xuất nhập khẩu dầu thực vật các loại hàng hoá, dịch vụ khác; đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu cây có dầu; kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

Số cổ phần đang nắm giữ tại TAC: 9.679.902 cổ phần

I. Giới thiệu về HĐQT:



Ông Đoàn Tấn Nghiệp - Chủ tịch Hội đồng quản trị

*Đại diện vốn Nhà nước tại Tường An.
Phó tổng GD Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex).
Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Mỹ phẩm LG – VINA.
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình.
Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần bao bì Dầu thực vật.*



Ông Nguyễn Hùng Cường - Thành viên Hội đồng quản trị

*Đại diện vốn Nhà nước tại Tường An.
Kế toán trưởng Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex)
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình*



Ông Hà Bình Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị

*Đại diện vốn Nhà nước tại Tường An.
Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An.*



Ông Dương Tiến Đức - Thành viên Hội đồng quản trị

Phó tổng Giám đốc đầu tư - Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An



Ông Huỳnh Văn Nhớ - Thành viên Hội đồng quản trị

Giám đốc Nhà máy dầu Phú Mỹ - Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An

2. Giới thiệu Ban Kiểm soát:



Ông Văn Tích Vĩnh – Trưởng Ban kiểm soát

Kiểm soát viên Nhà nước - Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex)

Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bao bì Dầu thực vật (VMPACK)



Ông Nguyễn Đức Thuyết – Thành viên Ban kiểm soát

Chuyên viên kế toán - Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex).

Trưởng Ban kiểm - Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình



Bà Ngô Bạch Mai – Thành viên Ban kiểm soát

Trưởng phòng Cung ứng xuất nhập khẩu - Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An

3. Giới thiệu Ban Tổng giám đốc:



Ông Hà Bình Sơn - Tổng giám đốc điều hành

Ngày tháng năm sinh: 10/9/1959
Quê quán: Hà Nam Ninh
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 408 Trần Hưng Đạo, P 11, Quận 5, TP HCM
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí động lực, cử nhân kinh tế



Ông Dương Tiến Đức - Phó tổng giám đốc đầu tư

Ngày tháng năm sinh: 10/01/1956
Quê quán: Hà Tây
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 53 Huỳnh Khương An, P5, Q.Gò Vấp, TP HCM
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cao đẳng ngành Cơ khí chế tạo máy



Ông Nguyễn Văn Lùng - Phó Tổng giám đốc kinh doanh

Ngày tháng năm sinh: 22/10/1969
Quê quán: Tây Ninh
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 1/59 Cầu Xéo, Phường Tân Sơn Nhi, Quận Tân Phú
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế



Ông Vũ Đức Thịnh - Giám đốc tài chính – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 23/02/1972
Quê quán: Hải Hưng
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 123A/5 Nguyễn Ảnh Thủ, Hóc Môn, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

I. Báo cáo quản trị:

Tường An xác định quản trị doanh nghiệp tốt và hiệu quả là nền tảng quan trọng cho sự phát triển cho doanh nghiệp hiện tại cũng như trong tương lai. Báo cáo này trình bày những nguyên tắc quản trị doanh nghiệp của Tường An theo hướng dẫn của Quyết định 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/03/2007 của Bộ Tài chính về việc Ban hành Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên TTCK và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Các vấn đề chung về Hội đồng quản trị.

Quy mô và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2007 – 2011 bao gồm 5 thành viên.

Thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện bầu chọn lại và bổ nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp tại cuộc họp bất thường hoặc thường niên của Đại hội đồng cổ đông hằng năm hoặc ít nhất là 5 năm một lần.

Sự ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật của Công ty, để điều hành công việc hàng ngày được thuận lợi và hiệu quả, Chủ tịch HĐQT đã thực hiện việc ủy quyền thông qua các văn bản ủy quyền và theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của Công ty và pháp luật như sau:

- Ủy quyền cho Ban Tổng giám đốc điều hành thực hiện các công việc liên quan đến sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

- Ủy quyền cho Giám đốc Ban quản lý dự án thực hiện các công tác đầu tư xây dựng cơ bản (cho đến khi giải thể Ban QLDA vào tháng 7/2010).

- Ủy quyền cho Giám đốc các Nhà máy, Chi nhánh theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành trong việc giải quyết các công việc của các Nhà máy, chi nhánh.

Phân cấp quản lý

Công ty áp dụng chế độ phân cấp quản lý và mức độ phê duyệt đối với các vị trí và quy định các mức thẩm quyền cho từng bộ phận nghiệp vụ cụ thể.

Họp và tham dự các cuộc họp của HĐQT

HĐQT họp định kỳ hàng quý trong năm. Các cuộc họp bất thường được triệu tập khi có yêu cầu. Cuộc họp HĐQT được gửi bằng thư mời hoặc thông báo trực tiếp bằng điện thoại. Mỗi thành viên HĐQT được quyền có ý kiến và đánh giá độc lập khi đưa ra quyết định của mình. Ban kiểm soát cũng được thông báo và mời tham dự các cuộc họp của HĐQT.

Tổng số cuộc họp HĐQT trong năm 2010: 117 lần, trong đó họp tập trung có 4 cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản 113 lần.

HĐQT gồm các thành viên sau:

Ông Đoàn Tấn Nghiệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên
Ông Hà Bình Sơn	Thành viên
Ông Dương Tiến Đức	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Nhớ	Thành viên

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật của Công ty. Việc đại diện pháp luật của Công ty được sự phê chuẩn bởi Đại hội đồng cổ đông năm 2008 của Công ty.

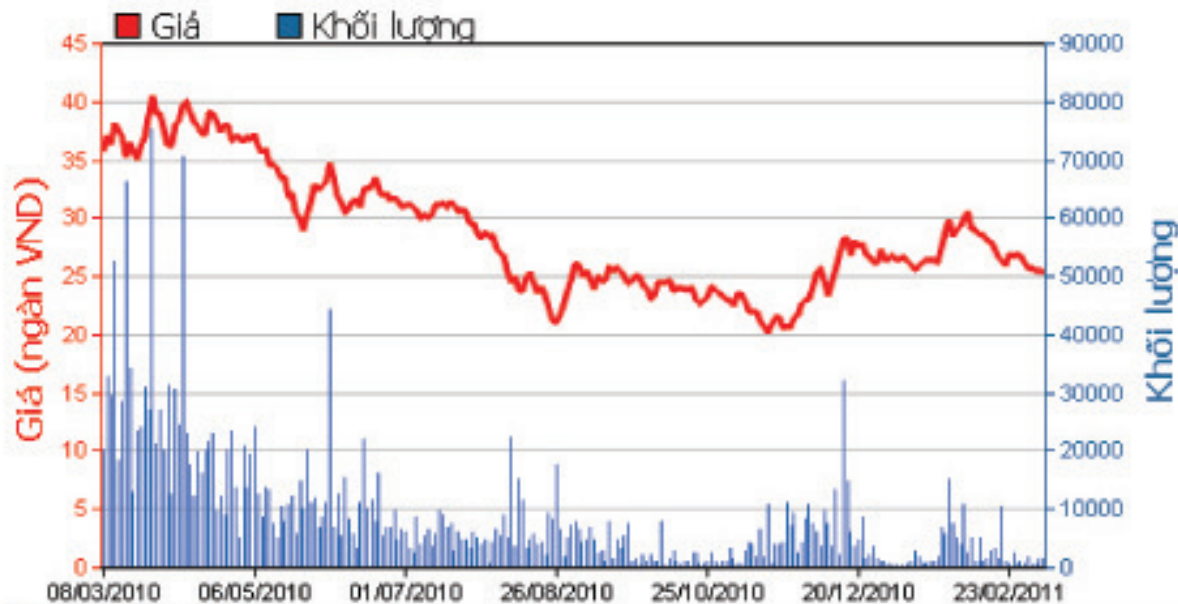
Thư ký của Công ty bao gồm:

Ông Vũ Đức Thịnh	Kế toán trưởng
Ông Trương Huỳnh Bích	Chuyên viên tài chính
Bà Lê Yến Nga	Chuyên viên mua hàng

Thông tin cổ phần và cổ đông

• Tổng số cổ phần phổ thông	: 18.982.000
• Tổng số trái phiếu đang lưu hành	: Không có
• Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 18.982.000
• Số lượng cổ phiếu quỹ từng loại	: Không có

BIỂU ĐỒ GIÁ GIAO DỊCH, KHỐI LƯỢNG CỦA CỔ PHIẾU TAC NĂM 2010



(Nguồn: www.hsx.vn)

Cơ cấu cổ đông (sẽ cập nhật theo số liệu ngày 28/3/2010)

Stt	Diễn giải	31/12/2010
1	Tổng công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam	51%
2	Cổ đông nước ngoài	3,88%
3	Cổ đông trong nước (trừ Vocarimex)	45,12%

Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông nội bộ

Stt	Diễn giải	31/12/2009	Thay đổi trong năm	31/12/2010
Hội đồng quản trị				
1	Đoàn Tấn Nghiệp	104.100	0	104.100
2	Nguyễn Hùng Cường	15.000	0	15.000
3	Hà Bình Sơn	10.000	0	10.000
4	Dương Tiến Đức	0	0	0
5	Huỳnh Văn Nhở	10.670	0	10.670
Ban kiểm soát				
1	Văn Tích Vĩnh	0	0	0
2	Nguyễn Đức Thuyết	200	0	200
3	Ngô Bạch Mai	3.850	0	3.850
Ban Tổng giám đốc, kế toán trưởng.				
1	Nguyễn Văn Lùng	1.070	0	1.070
2	Vũ Đức Thịnh	10.000	0	10.000

Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn

Stt	Diễn giải	31/12/2009	Thay đổi trong năm	31/12/2010
1	Tổng công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex)	51%	-	51%

Chính sách thù lao

Việc quyết định thù lao cho từng thành viên HĐQT được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Mức thù lao của HĐQT trong năm 2009 như sau:

Hội đồng quản trị	Mức thù lao hàng tháng
Ông Đoàn Tấn Nghiệp	6 triệu
Ông Nguyễn Hùng Cường	4 triệu
Ông Hà Bình Sơn	4 triệu
Ông Dương Tiến Đức	4 triệu
Ông Huỳnh Văn Nhó	4 triệu

Ban kiểm soát	Mức thù lao hàng tháng
Ông Văn Tịch Vĩnh	4 triệu
Ông Nguyễn Đức Thuyết	2 triệu
Bà Ngô Bạch Mai	2 triệu

Thư ký HĐQT	Mức thù lao hàng tháng
Ông Vũ Đức Thịnh	3 triệu
Ông Trương Huỳnh Bích	2 triệu
Bà Lê Yến Nga	2 triệu

Thu nhập của các thành viên chủ chốt là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính

2. Các giao dịch có liên quan

Hiện nay Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An có thực hiện mua nguyên liệu với Tổng công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex) là Công ty nắm giữ 51% vốn của Công ty.

Việc thực hiện giao dịch với Vocarimex được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế, giá trị thực hiện được thể hiện trên Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2010.

3. Quản trị rủi ro:

a. Kiểm soát nội bộ:

Tường An luôn đảm bảo xây dựng, duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ và ngày càng hoàn thiện nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm với công việc của toàn thể thành viên của công ty tuân theo một nguyên tắc quản trị tốt nhất nhằm bảo vệ tài sản của Tường An và vốn đầu tư của cổ đông.

b. Rủi ro tỷ giá:

Vấn đề rủi ro tỷ giá giữa VNĐ và đồng ngoại tệ đặc biệt là USD được Tường An rất quan tâm, trong năm 2010 ngân hàng Nhà nước đã nhiều lần thay đổi tỷ giá USD/VNĐ và thay đổi biên độ giao dịch giữa tỷ giá liên ngân hàng và tỷ giá do các ngân hàng thương mại niêm yết công bố và trong năm có thời gian dài nhiều tháng tình hình mua USD rất khó khăn làm cho chi phí đầu vào của các doanh nghiệp tăng cao, trong đó Tường An cũng bị ảnh hưởng.

c. Rủi ro về các khoản vay ngân hàng:

Hiện nay với thương hiệu và uy tín đã có thì vấn đề vay ngân hàng không phải là vấn đề khó đối với Tường An nhưng do các ngân hàng bị khống chế tỷ lệ tăng trưởng tín dụng hoặc lãi suất tăng quá cao cho nên đôi lúc gặp khó khăn trong việc thực hiện giải ngân và chi phí lãi vay tăng cao.

d. Rủi ro thanh toán của khách hàng:

Rủi ro mà Tường An có thể phải gánh chịu là khả năng khách hàng không có khả năng thanh toán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 giá trị nợ phải thu khách hàng thể hiện trên bảng cân đối kế toán. Tường An luôn có những chính sách quản lý nợ phải thu một cách hiệu quả nhằm đảm bảo việc bán hàng được bán hàng cho những khách hàng có tình hình tài chính phù hợp. Vì vậy, hiện nay tại Tường An không có khoản nợ phải thu khó đòi. Năm 2010 công nợ phải thu cuối năm cao là do giá bán tăng cho nên để mua cùng số lượng hàng hóa như trước đây thì phải cần một lượng tiền nhiều hơn.

e. Rủi ro quản lý của HĐQT và BGD:

Hiện nay công ty không phụ thuộc vào bất kỳ cá nhân nào trong Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng giám đốc điều hành nhưng sự thành công của Tường An một phần phụ thuộc vào kỹ năng, năng lực quản lý và sự cống hiến của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành.

Ngoài ra, Công ty chịu sự tác động của việc tuyển dụng và giữ nhân tài để kế thừa các vị trí trong HĐQT, Ban Tổng giám đốc. Sự cạnh tranh về nhân sự có kỹ năng, năng lực quản lý cao, việc mất đi sự đóng góp của một hay nhiều nhân sự cấp cao mà không có đủ người thay thế hoặc không có khả năng thu hút nhân sự mới có năng lực với chi phí hợp lý sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hiện tại và trong tương lai.

f. Rủi ro thị trường:

Giá nguyên liệu, hàng hóa thế giới chưa ổn định, vẫn biến động tăng giảm bất thường với biên độ lớn. Ngoài ra việc ảnh hưởng của tỷ giá USD/VNĐ cũng là vấn đề được quan tâm hàng đầu tại Tường An hiện nay.

Sự xuất hiện ngày càng nhiều hơn các nhãn hàng dầu thực vật mới, tình hình cạnh tranh ngày càng quyết liệt hơn.

4. Quan hệ Nhà đầu tư:

Tường An luôn duy trì kênh thông tin cung cấp thông tin cho nhà đầu tư thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức hàng năm và thông qua các cuộc gặp của lãnh đạo và các bộ phận có trách nhiệm cung cấp thông tin của công ty với các cổ đông.

Ngoài những thông tin cung cấp theo quy định của Luật chứng khoán, các quy định của pháp luật có liên quan và theo quy định của Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM, Tường An cũng cung cấp những thông tin có liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi phát sinh.

Tường An duy trì và cung cấp đầy đủ thông tin quan trọng của Công ty trên Website của Tường An tại địa chỉ www.tuongan.com.vn và được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng khác như báo chí, website của Sở giao dịch chứng khoán TP HCM và các trên các website của các tổ chức cung cấp thông tin liên quan đến thị trường chứng khoán...

Trong năm Tường An đã tiếp xúc với các nhà đầu tư là các quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, ngân hàng đầu tư đến tìm hiểu tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tường An luôn khuyến khích tất cả cổ đông và các chuyên gia phân tích có đánh giá trung thực và khách quan về tình hình hoạt động của công ty hiện tại cũng như trong tương lai, luôn tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả cổ đông tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên và phát biểu ý kiến và nhận xét của mình cho sự phát triển của công ty.





Tường An

Dầu ăn tốt, hiểu món ăn ngon!



CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

48/5 Phan Huy Ích, P.15, Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: (84.8) 38153972 - 38153950 Fax: (84.8) 38153649

www.tuongan.com.vn